TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C T** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2018/DS-ST
Ngày: 24-8-2018
V/v *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Trại

2. Bà Đặng Thụy Thùy Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Mai Thị Ngọc M**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp M, xã K S, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: ấp M, xã K S, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị M và chị H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc M trình bày: Vào năm 2013, 2014 chị M có tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Thị H làm chủ thảo, tổng cộng 03 dây hụi cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hụi loại 500.000đồng, khui lần đầu ngày 15/4/2013(âl), mỗi tháng khui một lần, gồm có 21 phần, chị M tham gia 02 phần. Sau khi tham

gia chị M đóng được 21 kỳ với số tiền là 6.300.000đồng.

- Dây thứ hai: Hụi loại 500.000đồng, khui lần đầu ngày 05/6/2014 (âl), một tháng khui hai lần gồm 26 phần, chị M tham gia một phần. Sau khi tham gia chị M đóng được 15 kỳ với số tiền là 4.500.000đồng.

- Dây thứ ba: Hụi loại 500.000đồng, khui lần đầu ngày 20/01/2014 (âl), một tháng khui hai lần, gồm 20 phần, chị M tham gia 01 phần. Sau khi tham gia chị M đóng được 13 kỳ hụi với số tiền là 3.900.000đồng.

Các dây hụi trên đã bể, tổng cộng 03 dây hụi trên chị M đã đóng được số tiền vốn là 14.700.000đồng, vốn và lãi (theo giá hụi chết) là 24.500.000đồng

Nay chị M yêu cầu chị H trả cho Mỹ số tiền vốn và lãi (theo giá hụi chết) với số tiền là 24.500.000đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H thống nhất theo lời trình bày của chị M là vào năm 2013, 2014 chị M có tham gia chơi 03 dây hụi như lời chị M trình bày, tất cả các dây hụi trên đều bị bể do hụi viên tự ý ngưng chơi hụi. Chị H thừa nhận số tiền vốn chị M đã đóng cho chị H là 14.700.000đồng, vốn và lãi (theo giá hụi chết) là 24.500.000đồng như lời chị M trình bày. Nay chị H xin trả vốn và trả dần mỗi tháng là 200.000đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, chị M yêu cầu chị H trả số tiền hụi vốn còn nợ là 14.700.000đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn chị Nguyễn Thị H đồng ý trả tiền hụi vốn và xin trả dần mỗi tháng là 200.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi chưa thanh toán, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp là hợp đồng góp hụi.

[2] – Về nội dung yêu cầu:

Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M và chị H trình bày thống nhất là vào năm 2013, 2014 chị M có tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Thị H làm chủ thảo, tổng cộng 03 dây hụi cụ thể như sau: Dây hụi loại 500.000đồng, khui lần đầu ngày 15/4/2013(âl), mỗi tháng khui một lần, gồm có 21 phần, chị M tham gia 02 phần. Sau khi tham gia chị M hốt một phần, còn lại một phần hụi sống chị M đóng được 21 kỳ với số tiền là 6.300.000đồng; Dây hụi loại 500.000đồng, khui lần đầu ngày 05/6/2014 (âl), một tháng khui hai lần gồm 26 phần, chị M tham gia một phần. Sau khi tham gia chị M đóng được 15 kỳ với số tiền là 4.500.000đồng; Dây hụi loại 500.000đồng, khui lần đầu ngày 20/01/2014 (âl), một tháng khui hai lần, gồm 20 phần, chị M tham gia 01 phần. Sau khi tham gia chị M đóng được 13 kỳ hụi với số tiền là 3.900.000đồng.

Xét lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở vì được bị đơn thừa nhận. Các dây hụi trên đã bị bể và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi vốn đã đóng là phù hợp nên chấp nhận. Vì vậy cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 14.700.000đồng.

Xét yêu cầu xin trả dần của chị H không được chị M đồng ý nên không chấp nhận ý kiến này của chị H.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cụ thể: 14.700.000đ x 5% = 735.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Ngọc M.

1/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả lãi hụi.

2/ Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị Ngọc M số tiền là 14.700.000 (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 735.000đồng.

Hoàn lại cho chị Mai Thị Ngọc M số tiền là 612.500đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008501 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh